

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ KONTUM
TỈNH KONTUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/HS-ST.
Ngày: 29/6/2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bá Nghiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Tiền và ông Trương Duy Cảnh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên Tòa: Bà Bùi Thị Hòa – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Kon Tum.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quyên- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2022/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-HS ngày 26/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2022/HSST- QĐ ngày 09/6/2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Thị Tuyết Nh, sinh ngày 27 tháng 3 năm 1980 tại tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; HKTT: 24/2 Ngô Quyền, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật Giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Lê Minh Dũng, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm: 1962; Bị cáo có chồng Phan Tuấn Anh, sinh năm 1976; Bị cáo có 04 con, con lớn nhất, sinh năm 1999, con nhỏ nhất, sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 08/5/1998 bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Kon Tum xử phạt hành chính về hành vi bán dâm, đã chấp hành xong.

Bị cáo được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2. Lê Thị Trà M, sinh ngày 19 tháng 7 năm 1999 tại tỉnh Kon Tum; Nghề nghiệp: Không; HKTT: 02 Hoàng Diệu, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Hồ Quốc Việt, sinh năm 1978 và bà Lê Thị Tuyết Nh, sinh năm: 1980; Bị cáo có chồng là Hoàng Văn Ngọc, sinh năm 1994; Bị cáo có 02 con, con lớn, sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

3. Lê Quốc C, sinh ngày 05/8/1998 tại Kon Tum; Nghề nghiệp: Làm nông; HKTT: 85 Ngô Quyền, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Nơi ở hiện nay: 52 Bùi Đạt, phường Thắng Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; Dân tộc: Kinh ; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học

vấn: 7/12; Con ông Lê Hùng Dũng, sinh năm 1961 và bà Lê Thị Hệ, sinh năm: 1967; Bị cáo chưa có vợ; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo được tại ngoại cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Trần Minh Phú, sinh năm 1995. (Có mặt)

Nơi cư trú: 60/10 Phùng Hưng, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Lê Tùng Châu, sinh năm 1973. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: 44 Trương Định, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

+ Ông Lê Hồng Sĩ, sinh năm 1972;

Nơi cư trú: 320 Duy Tân, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. (Có mặt)

+ Ông Trần An, sinh năm 1970;

Nơi cư trú: Làng Păng Go, thôn Phù Tiên, xã IaPah, huyện IaGrai, tỉnh Gia Lai. (Vắng mặt)

- **Người làm chứng:**

Anh Đỗ Hồng Ngọc, sinh năm 1988. (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tô 02, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 24/7/2021, Trần Minh Phú gọi điện cho Lê Quốc C rủ đi uống nước. Lúc này, C đang ở phòng trọ của chị họ là Lê Thị Tuyết Nh nên rủ Phú qua chơi. Phú điều khiển xe mô tô biển số 81B2-300.77 (*nhãn hiệu Exciter*) tới phòng trọ của Nh, tại đây có Nh, C và con gái Nh là Lê Thị Trà M. Trong lúc ngồi chơi, M bị chủ nợ trên huyện Đắk Hà gọi điện thoại đòi tiền nên Nh hỏi mượn xe mô tô 81B2-300.77 của Phú để hôm sau chở M lên huyện Đắk Hà giải quyết việc nợ nần (*vì xe mô tô Nh đang sử dụng không có giấy tờ*) và hẹn ngày hôm sau sẽ mang xe về trả, Phú đồng ý rồi giao xe cùng giấy tờ xe cho Nh và lấy xe của Nh đi về.

Sau khi Phú về, Nh gọi điện cho chủ nợ của M không được, lúc này, M nói với Nh mang xe của Phú đi cầm cố lấy tiền trả nợ cho mình thì Nh đồng ý. Do Nh và M không có Chứng Minh nhân dân nên Nh nhờ C đứng ra cầm cố xe giúp mình thì C đồng ý. Sau đó, C điều khiển xe mô tô 81B2-300.77 chở M đến tiệm cầm đồ Bảo Trâm ở số 44 Trương Định, phường Duy Tân, thành phố Kon Tum, gặp chủ tiệm là ông Lê Tùng Châu để cầm cố xe. Tại đây, C nói xe mô tô 81B2-300.77 của mình mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên, ông Châu đồng ý nhận cầm cố với số tiền 16.000.000 đồng (*Mười sáu triệu đồng*), C nhận tiền và đưa hết cho M. Toàn bộ số tiền này, M sử dụng để trả nợ cho một người tên Bin (*chưa xác định nhân thân, lai lịch*). Ngày hôm sau, không thấy Nh trả xe, Phú gọi điện thoại cho Nh hỏi thì Nh nói dối là đi xe lên huyện Đắk Hà, vi phạm luật giao thông nên bị Công an giao thông huyện Đắk Hà giữ xe, Nh hứa hẹn sẽ nộp phạt và lấy xe về trả Phú.

Đến buổi sáng ngày 06/8/2021, Đỗ Hồng Ngọc đến phòng trọ của Nh chơi, tại đây có Nh, M, C. Nh hỏi Ngọc có biết chỗ nào cầm cố xe được giá cao không thì Ngọc gọi điện thoại cho ông Lê Hồng Sĩ hỏi thì ông Sĩ đồng ý nhận cầm cố với số tiền là 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*). Nh nhờ C đi cùng với Ngọc, đến tiệm cầm đồ Bảo Trâm, thế tạm thời chiếc xe mô tô nhãn hiệu Air Blade của Ngọc đang đi để làm tin, rồi lấy xe mô tô 81B2-300.77 ra, mang đến tiệm cầm đồ 320 Duy Tân gặp ông Lê Hồng Sĩ. Tại đây, C nói với ông Sĩ xe mô tô 81B2-300.77 của mình mua lại nhưng chưa làm thủ tục sang tên, ông Sĩ đồng ý nhận cầm cố với số tiền 21.000.000 đồng (*Hai mươi một triệu đồng*). C cầm số tiền này rồi cùng Ngọc quay lại tiệm cầm đồ Bảo Trâm, trả tiền gốc và lãi hết 16.800.000 đồng (*Mười sáu triệu tám trăm nghìn đồng*), lấy lại xe Air Blade rồi đi về. Số tiền còn lại là 4.200.000 đồng (*Bốn triệu hai trăm nghìn đồng*), C đưa cho Nh, Nh sử dụng toàn bộ số tiền này trả nợ cho M.

Tại Kết luận định giá số 67/KL-HĐ ngày 06/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Kon Tum kết luận: Tổng giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn trắng-đen, BKS 81B2-300.77 tại thời điểm bị chiếm đoạt là **31.511.000** đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm mười một ngàn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-TPKT, ngày 25/4/2022 của Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Kon Tum truy tố các bị cáo Lê Thị Tuyết Nh, Lê Thị Trà M và Lê Quốc C về tội "*Lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản*" theo điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 175; điểm s, i khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 17 và Điều 38 BLHS.

Xử phạt Lê Thị Tuyết Nh và Lê Thị Trà M từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản*"

Xử phạt Lê Quốc C mức án từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội "*Lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản*".

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định nên đề nghị HĐXX Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về trách Nhệm dân sự: Căn cứ vào các Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo Lê Thị Tuyết Nh, Lê Thị Trà M, Lê Quốc C phải liên đới bồi thường cho ông Lê Hồng Sĩ số tiền 21.000.000 đồng.

Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến tranh luận của các bị cáo: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Kon Tum, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Kon Tum, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo và những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần An và ông Lê Tùng Châu và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, tại giai đoạn điều tra đã có lời khai tại hồ sơ vụ án nên sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử, vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản Điều 292, 293 của Bộ Luật tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai trước đây tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 24/7/2021 tại phòng trọ số 174 Kopa kolong, phường Thống Nhất, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum Lê Thị Tuyết Nh mượn xe mô tô 81B2-300.77 của Trần Minh Phú, được Phú đồng ý cho mượn và giao xe cùng giấy tờ xe cho Nh với mục đích đi lên huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum để giải quyết công việc. Tuy Nhên do con gái Nh là Lê Thị Trà M cần tiền trả nợ nên bảo Nh cho mượn xe này cầm cố để lấy tiền trả nợ thì được Nh đồng ý ngay. Sau đó cả M và Nh nhờ Lê Quốc C cầm cố giúp. Lê Quốc C biết rõ xe mô tô 81B2-300.77 là do Nh mượn của Phú nhưng vẫn đồng ý và trực tiếp mang xe đi cầm cố hai lần, lần thứ nhất cầm cố cho ông Lê Tùng Châu lấy số tiền 16.000.000 đồng đưa hết cho M, lần thứ hai cầm cố cho ông Lê Hồng Sĩ lấy số tiền là 21.000.000 đồng rồi trả tiền cầm cố lần thứ nhất 16.800.000 đồng, còn lại 4.200.000 đồng C đưa hết cho Nh và Nh sử dụng toàn bộ số tiền này vào việc trả nợ cho M.

Giá trị của chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu sơn trắng-đen, BKS 81B2-300.77 tại thời điểm các bị cáo chiếm đoạt là **31.511.000** đồng (*Ba mươi một triệu năm trăm mười một ngàn đồng*). Vì vậy, HĐXX có đủ cơ sở kết luận các bị cáo Lê Thị Tuyết Nh, Lê Thị Trà M và Lê Quốc C phạm tội “Lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175 Bộ luật hình sự năm 2015 như Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Kon Tum truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã lợi dụng lòng tin của bị hại, khi được bị hại giao tài sản cho mượn thì các bị cáo đã có thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản, sử dụng vào mục đích cá nhân, dẫn đến không có khả năng trả lại tài sản cho bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu về an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách Nhệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Sau khi phạm tội đã được bị hại phát hiện đòi lại tài sản nhưng các bị cáo không có thái độ khắc phục trả lại tài sản cho bị hại và bồi thường thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra. Chỉ khi cơ quan điều tra tiến hành điều tra thu giữ vật chứng và trả lại tài sản cho bị hại thì các bị

cáo mới nhận tội. Chứng tỏ các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội rất quyết liệt, tỏ ra rất coi thường pháp luật. Vì vậy, xét cần phải xử phạt nghiêm Minh đối với bị cáo. Cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, vừa răn đe và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, vì các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết và phân công vai trò cụ thể, trong đó Lê Thị Trà M là người khởi xướng, Lê Quốc C là người thực hành và Lê Thị Tuyết Nh là người giúp sức rất tích cực. Do vậy, bị cáo Lê Thị Trà M phải chịu mức hình phạt cao hơn so với các bị cáo khác.

Về tình tiết tăng nặng trách Nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Về tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách Nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hai bị cáo Lê Thị Tuyết Nh và Lê Thị Trà M tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS; tại phiên tòa bị hại xin giảm hình phạt cho các bị cáo Nh, M và C nên cả ba bị cáo đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về nhân thân của các bị cáo: Đối với bị cáo Lê Thị Tuyết Nh, ngày 08/5/1998 bị Phòng Cảnh sát hình sự - Công an tỉnh Kon Tum xử phạt hành chính về hành vi bán dâm (đã chấp hành xong). Các bị cáo Lê Thị Trà M, Lê Quốc C có nhân thân tốt.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo Nh, M, C không có thu nhập và nghề nghiệp ổn định, nên xét Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho các bị cáo.

[5] Đối với ông Lê Tùng Châu và Lê Hồng Sĩ là những người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô BKS 81B2-300.77. Do Lê Quốc C nói xe của mình mua lại nhưng chưa sang tên nên những người này đã tin tưởng và nhận cầm cố, họ không biết nguồn gốc xe là của anh Trần Minh Phú. Do đó, không có cơ sở để xem xét trách Nhiệm hình sự đối với Châu và Sĩ.

Đối với Đỗ Hồng Ngọc là người đã hỏi chỗ cầm cố và đi cùng C khi C cầm cố xe lần thứ hai, Ngọc không biết nguồn gốc xe là do các bị cáo chiếm đoạt của anh Trần Minh Phú mà tin rằng xe là của C nên mới giúp. Do đó, không có cơ sở để xem xét trách Nhiệm hình sự đối với Ngọc.

[6] Về xử lý vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01 (một) xe mô tô Yamaha Exciter, màu đen-trắng, BKS 81B2-300.77; 01 (một) chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy của xe 81B2-300.77. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS 81B2-300.77 thuộc sở hữu của ông Trần An. Vào năm 2017, ông An mua chiếc xe này và cho con trai mình là anh Trần Minh Phú làm phương tiện đi lại. Do đó, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử lý vật chứng và tiến hành trả lại xe mô tô cùng với giấy chứng nhận cho Trần Minh Phú là đúng với quy định của pháp luật nên HĐXX không đề cập đến.

[7]. Về trách Nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập đến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng Sĩ yêu cầu bị cáo Lê Quốc C phải bồi thường số tiền 21.000.000 đồng. Tại phiên tòa, các bị cáo thỏa thuận mỗi người sẽ bồi thường cho ông Lê Hồng Sĩ số tiền 7.000.000 đồng. Xét thấy

sự thỏa thuận của các bị cáo là phù hợp theo quy định Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và các Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 nên HĐXX chấp nhận.

[8]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Tuyết Nh, Lê Thị Trà M, Lê Quốc C phạm tội “*Lạm dụng tín Nhệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 175; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Tuyết Nh 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Trà M 12 (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc C 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt thi hành án.

2. Về trách Nhệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 và các Điều 584, 587, 589 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải bồi thường cho ông Lê Hồng Sĩ, cụ thể như sau:

- Lê Thị Tuyết Nh phải bồi thường cho ông Lê Hồng Sĩ số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng);

- Lê Thị Trà M phải bồi thường cho ông Lê Hồng Sĩ số tiền 7.000.000đ, (Bảy triệu đồng);

- Lê Quốc C phải bồi thường cho ông Lê Hồng Sĩ số tiền 7.000.000đ (Bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành án trả số tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án phải trả thêm tiền lãi suất chậm trả cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, Miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Lê Thị Tuyết Nh, Lê Thị Trà M, Lê Quốc C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc các bị cáo Lê Thị Tuyết Nh, Lê Thị Trà M, Lê Quốc C mỗi bị cáo phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 350.000 đ (Ba trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ

liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- VKSND Tp. Kon Tum;
- Sở tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. Kon Tum;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS Tp. Kon Tum;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Bá Nghiên